

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **188/2021/DS-ST**  
Ngày 30-9-2021  
V/v tranh chấp: Hợp đồng mua bán  
tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Trương Nguơn**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 56/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **HUỲNH THỊ KIM B** – sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền cho bà **Đỗ Thị Thu N** – sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo giấy ủy quyền ngày 19/8/2020 số chứng thực: 406 quyền số 01/2019+02/2020 – SCT/CK, ĐC.

2. Bị đơn: **LÊ VĂN T** – sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(bà Nxin vắng có mặt, ông T vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim Btrình bày: Trước đây ông Tcó đến đại lý bán vật tư nông nghiệp Kim Bdo bà làm chủ đề mua phân bón thuốc trừ sâu, đến năm 2018 thì ông Tcòn nợ 2.009.000 đồng. Ông Tcó viết biên nhận nợ để xác nhận số nợ 2.009.000 đồng và hẹn đến ngày 15/9/2018 trả số tiền trên, nhưng sau đó không thực hiện, bà có đòi nhiều lần nhưng ông Tchi hứa hẹn nhưng không thực hiện. Nay bà yêu cầu ông Ttrả lại số tiền 2.009.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/9/2018 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng (lãi tạm tính là 400.000 đồng), yêu cầu trả vốn và lãi 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn ông Lê Văn Tđã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Thắng, nhưng ông Tkhông đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bằng.

### **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Đại diện cho nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu Ncó đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu ông Lê Văn Ttrả lại số tiền 2.009.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Lê Văn Tvắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[1] Xét người đại diện của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu Ncó đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà Ngoan.

[2] Xét bị đơn ông Lê Văn Tđã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Tvẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Thắng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim Blà có cơ sở: Vì bà Huỳnh Thị Kim Bvà ông Lê Văn Tcó quan hệ mua bán vật tư nông nghiệp từ trước năm 2018, với hình thức mua bán là ông Tlấy vật tư nông nghiệp từ bà Bvề để sản xuất nông nghiệp đến khi thu hoạch thì trả tiền, nhưng khi trả tiền thì có khi trả đủ, có khi trả còn thiếu lại. Đến năm 2018 hai bên tổng kết nợ lại thì ông Tcòn nợ bà Bsố tiền 2.009.000 đồng, ông Tthen đến ngày 15/9/2018 âm lịch sẽ trả tiền, nhưng cho đến nay ông Tvẫn chưa trả số tiền này cho bà Bằng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Bcung cấp tờ biên nhận do ông Tviết. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa bà Bvà bà ông Tđã xác lập hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015, phía ông Tđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ nên cần buộc ông Tcó trách

nhiệm trả cho bà Bsố tiền 2.009.000 đồng là phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi: Bà Bkhông yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời gian trả: Bà Byêu cầu ông Ttrả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này ông Tđể kéo dài không trả cho bà Bđã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Bnên cần buộc ông Ttrả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 175, 179, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 275, 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim Bằng.

Buộc ông Lê Văn Tcó trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Kim Bsố tiền mua bán vật tư nông nghiệp là **2.009.000 đồng** (hai triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### **Về án phí:**

- Ông Lê Văn Tphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kim B300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Bđã nộp theo biên lai thu số 0016770 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn Anh**